TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh p**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông H Minh Hải và ông Điểu Nhót.
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, các quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và số 47/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H; có mặt.
Bà Phạm Thị T; có mặt.
Cùng địa chỉ: T11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh H1; sinh năm 1947; vắng mặt.
Bà Bùi Thị Thanh P, sinh năm 1951; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Nguyễn Cảnh H1 là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2019).

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T trình bày:

Từ năm 2010 đến 2015 ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P có mua bán cà phê, phân bón. Sau khi thống nhất chốt sổ công nợ ngày 14/02/2015 thì ông H1 và bà P còn nợ bà T và ông H là 1.688 (một nghìn sáu trăm tám mươi tám) kg cà phê nhân đủ độ, hạn trả nợ tháng 11/2016 nhưng đến hạn không trả nợ mà còn khất lần này đến lần khác. Đối với ý kiến của ông H1 đối với 02 hóa đơn bán cà phê, tại thời điểm bán ông H1 nói là để giấy gốc bán cà phê ở nhà, ghi cụ thể vào sổ, ký nhận

đầy đủ thì sau giấy ông H1 giữ không còn giá trị. Vì vậy, trong sổ theo dõi nợ hàng năm gia đình vẫn lưu giữ đầy đủ, cụ thể hóa đơn ngày 08/01/2011 với số lượng là 713 kg, ông H1 đã bán và số còn lại được chuyển sổ xác nhận nợ ngày 12/01/2011 có chữ ký xác nhận bán và nhận nợ (được thể hiện tại chứng cứ gốc trang 02; hóa đơn thứ hai ngày 08/01/2012 ông H1 bán 1.163 kg cà phê nhân xô, ngày 03/01/2012 ông H1 bán tiếp 947 kg. Tổng cộng 02 hóa đơn này là 2.110 kg; ngày 15/01/2012 ông H1 bán hết số cà phê này với giá tại thời điểm là 36.800 kg/ 01 kg = 77.648.000 đ, trừ đi tiền phân bón. Số nợ cuối cùng ông H1 và bà P chốt nợ là ngày 07/01/2014 với số cà phê là 2.188 kg. Ngày 14/02/2015 bà P trả 500 kg. Từ phân tích về vấn đề trả nợ, bán cà phê trên thể hiện ngày 14/02/2015 bà P và ông H1 còn nợ là 1.688 kg cà phê nhân xô như ông H1 và bà P xác nhận nợ là đúng. Vì sự chây ỳ của bị đơn nên ông H và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P phải trả cho vợ chồng ông H bà T 1.688 kg cà phê nhân đủ độ như đã xác nhận nợ.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp các bản gốc cho Tòa án thể hiện việc bán cà phê, gửi cà phê và chốt nợ, bên bị đơn cũng thừa nhận còn nợ 1.688 kg cà phê nhân xô nhưng cho rằng đã trả gửi tại kho bên nguyên đơn là 713 kg và 1.163 kg và cung cấp cho Tòa án 02 giấy xác nhận (bản pho to).Tuy nhiên, quá trình giải quyết nguyên đơn cung cấp 02 giấy có chữ ký của ông H1 thể hiện đã bán số cà phê ký gửi như ông H1 nêu trên vào ngày 08/01/2011 và ngày 08/01/2012. Do có mâu thuẫn trên Tòa án đã tiến hành đối chất, hòa giải bị đơn không hợp tác nên căn cứ các chứng cứ cung cấp cho Tòa án bên nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn mà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản trình bày ngày 16/4/2019 bị đơn ông Nguyễn Cảnh H1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Thanh P trình bày: Những năm trước ông H1 có mua phân bón của ông H và bà T, hàng năm ông H1 phải trả cho ông bà H T số cà phê thu hoạch được. Nhưng có những năm chưa đến mùa cà phê thì ông bà quy ra tiền và tính lãi suất. Năm 2011ông H1 gửi tại kho của ông H bà T 713 kg . Đến ngày 08/01/2012 gửi tiếp 1163 kg cà phê vẫn chưa bán. Đã nhiều lần ông H1 đến để bán nhưng ông H bà T nói không có tiền. Nay ông H bà T khởi kiện thì ông H1 yêu cầu phải tính phần trăm số cà phê đã gửi mà chưa chốt với tổng số cà phê 02 đợt gửi là 1.876 kg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chấp hành không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 428; Điều 429, 430, 431, 433, 434, 435 BLDS năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T.

Buộc ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P phải trả cho ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T số cà phê còn nợ là 1.688 kg (Một nghìn sáu trăm tám mươi tám) cà phê nhân xô đủ độ.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T khởi kiện ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P hiện đang cư trú T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận nợ ngày 14/02/2015, tuy nhiên thời hạn trả nợ hai bên thống nhất tháng 11/2016 trả hết nợ. Kể từ thời điểm ông H1 và bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm ông H và bà T khởi kiện ngày 23/3/2019 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS;

[3] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 BLTTDS. Tuy nhiên, Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P vẫn văng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp: Ngày 14/02/2015 ông H1 và bà P xác nhận còn nợ ông H và bà T số cà phê là 1.688 kg cà phê nhân đủ độ, thời hạn trả nợ vào tháng 11/2016. Khi đến bán cà phê, hai bên có lập giấy tờ và có chữ ký của bà P. Ông H1 và bà P thừa nhận có bán số cà phê này, nhưng chưa chốt giá. Tuy nhiên, qua các chứng cứ ông H và bà T cung cấp thì số cà phê 02 hóa đơn ông H1 cung cấp thể hiện ngày 08/01/2011 với số cà phê 713 kg và 08/01/2012 với số cà phê 1.163 kg ông H1 đã bán hết và số tiền còn dư ông H1 đã nhận, tất cả các lần này ông H1 là người đứng ra bán và ký xác nhận đầy đủ nên 02 hóa đơn ông H1 trình bày là không còn giá trị

để loại trừ (mặc dù ông H1 và bà P không hợp tác trong quá trình thu thập chứng cứ, nộp lại bản gốc cho Tòa án. Nhưng lời khai ông H bà T phù hợp với các chứng cứ cung cấp, phù hợp với số lượng cà phê ông H1 cung cấp bản pho to, phù hợp với chứng cứ cung cấp yêu cầu khởi kiện còn lại. Nên yêu cầu khởi kiện buộc ông H1 và bà P phải trả cà phê theo giấy nhận nợ đã xác nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 428 BLDS.

Tại Điều 428 BLDS quy định: "*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán*".

Xét yêu cầu của ông H1 và bà P năm 2011ông H1 gửi tại kho của ông H bà T 713 kg . Đến ngày 08/01/2012 gửi tiếp 1163 kg cà phê. Tổng số cà phê 02 đợt gửi là 1.876 kg . Trên cơ sở chứng cứ ông H và bà T cung cấp thì 02 hóa đơn này ông H1 đã bán và ký xác nhận đầy đủ. Nên yêu cầu của ông H1 là không có căc cứ để loại trừ nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần: Buộc ông H1 và bà P có trách nhiệm trả cho ông H và bà T 1.688 kg cà phê nhân đủ độ.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Theo kết quả xác minh tại địa phương giá cà phê tại thời điểm xét xử là 32.800 đồng/01 kg. Vậy, 1.688 kg x 32.800 đồng/01 kg = 55.366.400đ x 5% = 2.768.320 đồng (làm tròn 2.768.500 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của ông H bà T được chấp nhận nên ông H1 và bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 2.768.500 đồng.Tuy nhiên hiện nay ông H1 và bà P đã trên 60 tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp này bị đơn được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 428; Điều 429, 430, 431, 433, 434, 435 BLDS năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T.

Buộc ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P phải trả cho ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T số cà phê còn nợ là 1.688 kg (Một nghìn sáu trăm tám mươi tám) cà phê nhân xô đủ độ.

2.Về án phí: Ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Bùi Thị Thanh P được miễn nộp toàn bộ số tiền 2.768.500 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông H và bà T số tiền nộp tạm ứng án phí 1.371.500 đồng *(Một triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004512 ngày 28/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Hoàng Thị Thu Hà